TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** --- *** ---	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ------***-----

Bản án số: 19/2017/HNGĐ
Ngày 29/9/2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Hằng.
2. Ông Nguyễn Hải Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2017, về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXX-ST ngày 28/8/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 5, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C; nơi cư trú: Thôn 5, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày có nội dung như sau:

Chị Bùi Thị B và anh Hoàng Văn C là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1999, đến 30/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, quá trình sống chung có 02 con chung là Hoàng Tiến A, sinh ngày 08/01/2000 và Hoàng Thị B1, sinh ngày 22/9/2004. Sau khi kết hôn hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2011 do chị B thua lỗ trong việc làm ăn nên vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do không hòa hợp trong tính cách, suy nghĩ, lối sống, anh C không

có trách nhiệm với gia đình, một mình chị B phải gánh vác kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, khi mâu thuẫn trở nên trầm trọng và gánh nặng kinh tế, nợ nần nên chị B quyết định đi làm xa để kiếm tiền trả nợ, lâu lâu mới về nhà một lần, những lần về nhà thì vợ chồng lại cãi nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và chị B cũng ít về nhà hơn và đã ly thân từ năm 2012 đến nay.

Sau một thời gian dài mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Chị B có nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị B1 đến tuổi thành niên, giao con chung Hoàng Tiến A cho anh C nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị B có ý kiến anh C có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng lại thờ ơ, bỏ mặc không quan tâm mà chỉ muốn kéo dài, nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh C.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn C trình bày có nội dung như sau:

Anh C và chị B là vợ chồng lấy nhau tự nguyện từ năm 1999 và đến ngày 30/12/2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, quá trình sống chung có 02 con chung là Hoàng Tiến A, sinh ngày 08/01/2000 và Hoàng Thị B1, sinh ngày 22/9/2004. Trong cuộc sống vợ chồng thì vẫn hạnh phúc tuy nhiên, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là từ khi chị B làm ăn thua lỗ và đi ra ngoài làm ăn từ năm 2012 nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay, từ khi chị B ra ngoài làm ăn thì lâu mới về nhà một lần rồi lại đi, nên vợ chồng cũng xảy ra cãi vã, lạnh nhạt do bất đồng quan điểm, lối sống. Nay anh C xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, các con cần có sự chăm sóc của bố mẹ nên anh không đồng ý ly hôn chị B.

Nếu chị B cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh C có nguyện vọng xin nuôi con chung là Hoàng Tiến A, sinh ngày 08/01/2000 đến tuổi thành niên; không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị B được ly hôn anh C.

Về con chung: Giao con chung Hoàng Tiến A, sinh ngày 08/01/2000 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Hoàng Thị B1, sinh ngày 22/9/2004 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Anh Hoàng Văn C và chị Bùi Thị B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B và anh Hoàng Văn C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K ngày 30/12/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thua lỗ, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc nên năm 2012 chị B đã không còn chung sống với anh C mà ra ngoài làm ăn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Anh Hoàng Văn C có nguyện vọng xin đoàn tụ, tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không có hướng khắc phục mâu thuẫn để cùng tiếp tục chung sống; quá trình giải quyết vụ án anh C muốn đoàn tụ nhưng không thể hiện thiện chí hòa giải, thờ ơ, bỏ mặc, từ chối ký thủ tục xét xử của Tòa án do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin đoàn tụ của anh C là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Xét nguyện vọng của của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Hoàng Tiến A cho anh Hoàng Văn C và giao con chung Hoàng Thị B1 cho Bùi Thị B chị trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Bùi Thị B và anh Hoàng Văn C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh C, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị B xin ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Giao con chung Hoàng Tiến A, sinh ngày 08/01/2000 cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và giao con chung Hoàng Thị B1, sinh ngày 22/9/2004 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B anh C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Chị Bùi Thị B và anh Hoàng Văn C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002906 ngày 12 tháng 7 năm 2017.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện Eakar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

Lê Đình Thanh